

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế phối hợp trong việc cung cấp thông tin để cập nhật, kiểm tra, đối chiếu và khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008; Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về việc: “Quản lý đầu tư xây dựng công trình”; Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước”; Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ về việc: “ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước”; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc: “Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước”;

Căn cứ Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn việc quản lý, khai thác phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước”;

Căn cứ Quyết định số 4540/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 252/TTr-STC ngày 23/01/2013 về việc: “Ban hành Quy chế phối hợp trong việc cung cấp thông tin để cập nhật, kiểm tra, đối chiếu và khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” và ý kiến của Sở Tư pháp Thanh Hóa tại Công văn số 33/STP-XDVB ngày 11/01/2013 về việc: “Thẩm định văn bản”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc cung cấp thông tin để cập nhật, kiểm tra, đối chiếu và khai thác, sử dụng

thông tin trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Giao Sở Tài chính Thanh Hóa tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn201374 (100).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng

QUY CHẾ

Phối hợp trong việc cung cấp thông tin để cập nhật, kiểm tra, đối chiếu và khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~1029~~ 1029/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của tỉnh Thanh Hóa với Sở Tài chính trong việc cung cấp thông tin để cập nhật, kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước (Sau đây gọi tắt là CSDL) vào các mục đích: Thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; lập dự toán, xét quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước; xử lý tài sản nhà nước (Thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy); kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Tài sản nhà nước phải thực hiện báo cáo kê khai và cập nhật thông tin kê khai vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước gồm:

2.1. Trụ sở làm việc, quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất.

2.2. Xe ô tô các loại.

2.3. Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500,0 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp.

Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Quy chế này phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp, từng ngành, từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện đăng ký trong CSDL.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phối hợp trong việc lập, xác nhận báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước vào Phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước (CSDL).

1. Báo cáo kê khai lần đầu:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc: “Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009”, cụ thể:

- Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN; mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai.

- Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

- Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500,0 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng) trở lên/1 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

Trường hợp các đơn vị đã lập báo cáo kê khai đăng ký theo Mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính thì không cần lập lại báo cáo.

2. Báo cáo kê khai bổ sung:

Trường hợp có thay đổi về tài sản nhà nước do đầu tư xây dựng; mua sắm mới; tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng; thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy, bán hoặc thay đổi mục đích sử dụng của tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập, giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải thực hiện báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn 30 ngày (Ba mươi ngày), kể từ ngày có sự thay đổi. Đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn thì thời gian thay đổi tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng; giá trị tài sản sẽ được điều chỉnh sau khi quyết toán vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước lập báo cáo kê khai đăng ký bổ sung theo Mẫu quy định tại Thông tư số 09/2012/TT-BTC, cụ thể:

- Tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng tại đơn vị: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN, Mẫu số 02-ĐK/TSNN, Mẫu số 03-ĐK/TSNN.

- Thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng tài sản theo Mẫu số 04a-ĐK/TSNN.

- Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo Mẫu số 04b-ĐK/TSNN.
- Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô theo Mẫu số 04c-ĐK/TSNN.
- Thay đổi thông tin về tài sản khác có nguyên giá từ 500,0 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng) trở lên theo Mẫu số 04d-ĐK/TSNN.
- Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu theo Mẫu số 04đ-ĐK/TSNN.

3. Trình tự báo cáo kê khai:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện.

- Lập 03 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản theo mẫu quy định và kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến tài sản báo cáo kê khai, gồm: giấy tờ liên quan đến nhà, đất đang sử dụng (Đối với trụ sở làm việc); giấy đăng ký xe ô tô; biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (Đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500,0 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng) trở lên/1 đơn vị tài sản).

- Gửi 02 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đến đơn vị dự toán cấp trên (Cấp trên trực tiếp);

- Lưu trữ 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Các Sở, ban, ngành chủ quản hoặc UBND cấp huyện (Phòng Kế hoạch – Tài chính).

- Đơn đốc, hướng dẫn các đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý thực hiện lập và gửi báo cáo kê khai theo quy định.

- Xác nhận 02 bộ hồ sơ báo cáo kê khai đối với tài sản là trụ sở làm việc, xe ô tô và tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500,0 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng) trở lên /1 đơn vị tài sản của đơn vị dự toán thuộc phạm vi quản lý. Gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính và lưu tại cơ quan chủ quản 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản.

4. Nhập và duyệt dữ liệu trong Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước:

Căn cứ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản các đơn vị gửi, Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp lý của dữ liệu; thực hiện nhập và duyệt tài sản (Gồm nhập số dư ban đầu và biến động tài sản) vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước; dữ liệu nhập vào phần mềm khi được duyệt sẽ chuyển vào CSDL. Trường hợp dữ liệu các đơn vị báo cáo chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc không hợp lý thì yêu cầu đơn vị rà soát, chỉnh lý trước khi duyệt tài sản vào CSDL.

Điều 4. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đã kê khai đăng ký trong Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật, kiểm tra, đối chiếu số liệu đã đăng ký trong Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước với hồ sơ báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Sở Tài chính sau khi đối chiếu số liệu trong CSDL với hồ sơ báo cáo kê khai có trách nhiệm:

a) In và gửi “**Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước**” cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản để các đơn vị rà soát, kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào CSDL.

b) In và gửi thông tin về đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận thông tin nêu trên và gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày (Ba mươi ngày) kể từ ngày nhận được đề nghị.

Điều 5. Phối hợp trong việc khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước.

1. Sở Tài chính có quyền khai thác thông tin tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước, báo cáo UBND tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

2. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố được giao quản lý, sử dụng tài sản có tài sản kê khai trong Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước có quyền khai thác thông tin tài sản nhà nước của đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc trong CSDL.

Điều 6. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước.

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch mua sắm, đầu tư xây dựng phải trình kèm thông tin về hiện trạng và số lượng tài sản nhà nước hiện có trong CSDL hoặc các thông tin cần thiết khác, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước trong quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm cho hoạt động này phải trình kèm theo “**Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước**” của tài sản từ thời điểm hình thành đến thời điểm lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

3. Sở Tài chính kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang cấp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã đăng ký trong CSDL Quốc gia về tài sản nhà nước. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa kê khai, đăng ký tài sản (*Trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500,0 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản*) theo quy định, Sở Tài chính đề nghị đơn vị kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện thẩm định dự toán.

Từ năm 2013, UBND các cấp không xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo sửa chữa tài sản đối với những đơn vị có tài sản phải đăng ký nhưng không thực hiện kê khai vào Phần mềm.

4. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản tại đơn vị. Nếu số liệu trong CSDL quốc gia không phản ánh đúng thực tế

hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

5. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp **“Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước”** cho đơn vị khi có yêu cầu trong trường hợp địa phương chưa phân cấp việc khai thác dữ liệu về tài sản nhà nước cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 7. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước.

1. Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quyết toán (Sở Tài chính, Phòng Tài chính- Kế hoạch,..) chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào CSDL.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa CSDL với giá trị quyết toán thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản nhà nước đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi.

Điều 8. Phối hợp trong công tác xử lý (Thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước.

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản nhà nước (Thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính hướng dẫn thủ tục và có trách nhiệm cung cấp **“Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý”** cho đơn vị khi có yêu cầu trong trường hợp địa phương chưa phân cấp việc khai thác dữ liệu về tài sản nhà nước cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 9. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong CSDL để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản in trực tiếp từ CSDL khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 10. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các Sở, ban, ngành, đoàn

thể cấp tỉnh và Sở Tài chính có trách nhiệm lập, gửi Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản của năm theo quy định tại Điều 32, Điều 34 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

2. Để đảm bảo số liệu báo cáo được thống nhất, Sở Tài chính thực hiện việc khoá toàn bộ số liệu tài sản thuộc phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia để báo cáo vào ngày 30/01. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa nhập dữ liệu tăng, giảm tài sản của năm báo cáo vào Phần mềm phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính.

Các biểu mẫu kèm theo Báo cáo phải được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước, bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất theo Mẫu số 02B-ĐK/TSNN.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản nhà nước theo Mẫu số 02C-ĐK/TSNN.

Điều 11. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp.

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn việc rà soát, chuẩn hóa dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu theo quy định.

b) Cung cấp mẫu biểu, phiếu xác nhận thông tin trong cơ sở dữ liệu và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này, tham mưu cho UBND tỉnh đối với những đơn vị vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Đảm bảo việc nhập, duyệt, chuẩn hóa dữ liệu trong phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước đầy đủ, chính xác; đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, rà soát, chuẩn hóa dữ liệu, xác nhận thông tin về tài sản và lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính đúng thời gian quy định.

b) Tổng hợp, báo cáo biến động của tài sản nhà nước theo đúng thời hạn quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản phải báo cáo, kê khai có trách nhiệm:

a) Kê khai đăng ký đầy đủ, hợp lý và chính xác số liệu đối với tài sản nhà nước được giao quản lý, sử dụng thuộc diện phải kê khai đăng ký đúng thời gian quy định.

b) Lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định gửi cơ quan chủ quản và Sở Tài chính đúng thời gian quy định.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Xử lý vi phạm.

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Giao cho Sở Tài chính định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc yêu cầu các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để được hướng dẫn, xử lý./.

Xuân
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng
Nguyễn Đình Xứng